

Bản án số: 66/2017/HSST

Ngày: 23/11/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Hồng Mây

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Mười

Ông Chu Hồng Thái

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Loan - Thư ký
Toà án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà: Bà Lã Thị Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 23/11/2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đại Từ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 59/HSST ngày 20/10/2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2017/HSST-QĐ ngày 08/11/2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Thị L, sinh ngày 15/7/1977.

Nơi cư trú: xóm L, xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Giới tính: Nữ;

Trình độ văn hoá: 06/12; Nghề nghiệp: làm ruộng; Tiền sự: không

Tiền án:

Bản án số 12/HSST ngày 04/3/2013 Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt Nguyễn Thị L 09 tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*". Chấp hành xong bản án ngày 07/02/2015.

Bản án số 34/ HSST ngày 26/4/2016 Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt Nguyễn Thị L 12 tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*". Chấp hành xong hình phạt tù ngày 05/6/2017.

Con ông: Nguyễn Văn T, sinh năm 1952.

Con bà: Đào Thị V, sinh năm 1950.

Gia đình bị cáo có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; có chồng là Bé Văn V, sinh năm 1975; vợ chồng có hai con chung, con lớn là Bé Thị L sinh năm 2000, nhỏ là Bé Thị Ngọc B sinh năm 2011.

Hiện bị cáo đang tạm giam từ ngày 27/7/2017 cho đến nay.

(có mặt tại phiên tòa)

- *Người bị hại:*

Chị Hầu Thị Y, sinh năm 1994 – có mặt

Trú tại: Xóm L, xã P, huyện Đ, tỉnh T

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Cháu Bé Thị L - sinh năm 2000 - có mặt

Trú tại: Xóm L, xã M, huyện Đ, tỉnh T

- *Người đại diện hợp pháp cho cháu L:*

Anh Bé Văn Vọng - sinh năm 1975 - có mặt

Trú tại: Xóm L, xã M, huyện Đ, tỉnh T

- *Người bào chữa cho bị cáo:*

Bà Lê Thúy H - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T - có mặt

NHẬN THẤY

Bị cáo Nguyễn Thị L bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh T truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 6 giờ ngày 27/7/2017, Nguyễn Thị L một mình đi xe mô tô nhãn hiệu Honda wave, sơn màu trắng, biển kiểm soát 20F1 - 35006 từ nhà đến xã P, huyện Đ với mục đích tìm việc làm thêm. Khi L đến khu vực xóm L, xã P, huyện Đ thì L phát hiện nhà chị Hầu Thị Y khóa cửa, không có ai ở nhà. L dựng xe mô tô ở lề đường đối diện rồi đi vào trong sân nhà chị Y, quan sát thấy chuồng gà có 02 con gà mái lông màu vàng đang nằm ấp trứng. L nhặt 01 bao tải dừa màu cam có sẵn ở sân rồi dùng tay bắt 02 con gà mái cho vào bao tải đi ra chỗ để xe mô tô thì bị quần chúng nhân dân phát hiện bắt giữ L đưa đến Công an xã P.

Công an xã P đã lập biên bản sự việc, thu giữ vật chứng và chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án đến cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ giải quyết theo thẩm quyền.

Tại kết luận định giá tài sản số 31/ KL-HĐĐG ngày 27/7/2017 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự kết luận: 02 con gà mái, loại gà ta, màu lông vàng, tổng trọng lượng 02 con gà là 4,3 kg có giá trị là 430.000đồng (*Bốn trăm ba mươi nghìn đồng*).

Vật chứng của vụ án gồm 02 con gà mái, 01 bao tải dừa màu cam đã trả cho chị Hầu Thị Y sử dụng, chị Y không yêu cầu gì về trách nhiệm bồi thường dân sự đối với bị cáo; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda wave, sơn màu trắng, biển kiểm soát 20F1- 35006, quá trình điều tra xác định của Bé Thị L (con gái L). Hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đchờ xử lý.

Tại bản cáo trạng số 61/KSĐT-KT ngày 19/10/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tỉnh T đã truy tố Nguyễn Thị L về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 BLHS.

Tại cơ quan điều tra và trước phiên toà hôm nay bị cáo khai nhận hành vi vi phạm pháp luật như bản cáo trạng đã nêu trên.

Anh Bé Văn V khai khi mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda wave, sơn màu trắng, biển kiểm soát 20F1 - 35006 là tiền của cháu L, khi cháu đi mua xe anh V bán chiếc xe moto cũ của anh được 1.800.000đ đưa cho cháu L số tiền còn lại là của L tích cóp được. Mua xe với hình thức trả góp nên tiền trả hàng tháng là do cháu L trả, hiện còn nợ ngân hàng thông qua cửa hàng khoảng hơn 9.000.000đ. Do cháu L chưa đủ tuổi nên nhờ mẹ cháu đứng tên trong đăng ký xe. Nay anh có đề nghị Tòa án trả lại chiếc xe cho gia đình anh do hoàn cảnh gia đình hết sức khó khăn, nằm trong diện hộ nghèo của xã; chị L hiện đang tạm giam, bản thân anh không còn sức lao động chỉ ở nhà trông nhà, cháu L là lao động chính trong gia đình, chiếc xe là phương tiện duy nhất để cháu L đi lại kiếm sống và trả khoản nợ mua xe cho ngân hàng.

Cháu L khai: do nhà chỉ có mấy sào ruộng trồng lúa, không có chè nên cháu học xong lớp 9 nghỉ học ở nhà đi bán hàng thuê thu nhập khoảng 3.000.000đ/tháng; mẹ cháu sau khi đi tù về hàng ngày đi hái chè thuê hoặc ai có việc gì thuê thì làm, hôm nào cháu không đi làm thì mẹ cháu lấy xe đi. Khi mua xe giá 19.100.000đ, trả ngay được khoảng 4.300.000đ còn lại trả góp chủ yếu bằng tiền lương tháng của cháu, hiện còn nợ 9.430.000đ. Khi mua bố bán xe cũ được 1.800.000đ góp vào mua xe. Nay cháu đề nghị Tòa án trả lại xe cho cháu để cháu đi làm lấy tiền trả nốt chỗ nợ còn lại.

Bị cáo nhất trí với lời khai của anh V và cháu L về nguồn tiền mua xe, bị cáo mới ra trại nên thỉnh thoảng mượn xe cháu L đi tìm việc làm thuê, sáng ngày 27/7 bị cáo đi hái chè thuê chứ không có mục đích trộm cắp tài sản.

Kết thúc xét hỏi, vị đại diện Viện kiểm sát huyện Đ trình bày luận tội đã giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố:

Bị cáo Nguyễn Thị L phạm tội Trộm cắp tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1 Điều 46 BLHS xử phạt Nguyễn Thị L mức án từ 9 đến 12 tháng tù.

Áp dụng Điều 41BLHS, Điều 76 BLTTHS: hoàn trả chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda wave biển kiểm soát 20F1 35006 cho anh Bé Văn V.

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo.

Bị cáo không tranh luận thừa nhận việc truy tố và xét xử là không oan, đúng người, đúng tội và xin giảm nhẹ mức án.

Người bào chữa nhất trí với tội danh và khung hình phạt bản cáo trạng đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS bởi bố bị cáo là ông Nguyễn Văn T được nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhất; người bào chữa cũng đề nghị hoàn trả chiếc xe mô tô cho gia đình bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

XÉT THẤY

Lời khai của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại và tài liệu thu thập được trong quá trình điều tra vụ án về thời gian, địa điểm và loại tài sản chiếm đoạt và vật chứng thu giữ được. Như vậy đủ cơ sở xác định, khoảng 06 giờ 30 phút ngày 27/7/2017 tại xóm L, xã P, huyện Đ, tỉnh T, lợi dụng sơ hở của gia đình người bị hại Nguyễn Thị L đã lén lút bắt trộm 02 con gà mái cân nặng 4,3 kg giá trị 430.000 đồng của gia đình chị Hầu Thị Y và bị bắt quả tang thu giữ ngay vật chứng.

Tuy tài sản bị cáo trộm cắp dưới 2.000.000đ nhưng nhân thân bị cáo có 02 tiền án cùng loại tội chiếm đoạt tài sản chưa được xóa án tích nên hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 138 BLHS.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản viện dẫn nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Nội dung điều luật như sau:

***“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm, phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.*”**

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an ở địa phương.

Nhân thân bị cáo đã nhiều lần bị xét xử cùng về hành vi trộm cắp tài sản nhưng không lấy đó làm bài học để tự tu dưỡng rèn luyện bản thân thành công dân tốt mà tiếp phạm cùng cùng loại tội. Xét cần có mức án nghiêm khắc buộc bị cáo cách ly xã hội để tiếp tục giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Khi lượng hình bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ là khai báo thành khẩn, phạm tội mà gây thiệt hại không lớn quy định tại điểm g, p khoản 1 Điều 46 BLHS; bố bị cáo được nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhất nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS. Hai tiền án đã sử dụng làm tình tiết định tội danh đối với bị cáo nên bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng là tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm. Mức án vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa là phù hợp.

Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi trả cho bị hại quản lý sử dụng và không có yêu cầu gì không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

Liên quan đến vụ án, cơ quan điều tra thu giữ 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda wave, sơn màu trắng, biển kiểm soát 20F1 - 35006. Hội đồng xét xử thấy giấy đăng ký xe mang tên bị cáo nhưng tại phiên tòa đã làm rõ đây là tài sản chung của các thành viên trong gia đình, hoàn cảnh gia đình bị cáo hết sức khó khăn là hộ nghèo, hiện số tiền mua xe chưa trả hết nên có cơ sở chấp nhận lời đề nghị của gia đình bị cáo, người bào chữa và vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa trả lại xe cho anh V quản lý sử dụng.

Về án phí: Bị cáo là hộ nghèo của xã nên miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị L phạm tội Trộm cắp tài sản.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS xử phạt Nguyễn Thị L 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/7/2017.

Căn cứ Điều 228 BLTTHS, quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

2. Vật chứng: áp dụng Điều 41 BLHS, Điều 76 BLTTHS

Hoàn trả anh Bé Văn V 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda wave, sơn màu trắng, biển kiểm soát 20F1 – 35006, xe đã qua sử dụng. Hiện chiếc xe đang được bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ.

3. Về án phí: Căn cứ vào điều 99 BLTTHS; Điều 12 Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 miễn nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Toà án tỉnh Thái Nguyên
- VKSND huyện Đại Từ
- Chi cục THA huyện Đại Từ
- Công an huyện Đại Từ
- Bị cáo
- Người bị hại
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà

NGUYỄN HỒNG MÂY

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẠI TỪ
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Hôm nay, ngày 23 tháng 11 năm 2017 tại phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Hồng Mây

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Mười và ông Chu Hồng Thái

Căn cứ vào Điều 199 và Điều 222 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án Nguyễn Thị Liễu bị Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ truy tố về tội Trộm cắp tài sản.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác tại phiên toà; Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án hình sự như sau:

1. Về tội danh: Hội đồng xét xử nhất trí xác định bị cáo Nguyễn Thị Liễu phạm tội Trộm cắp tài sản. *Kết quả biểu quyết: 3/3.*

2. Về điều luật áp dụng: Hội đồng xét xử nhất trí, áp dụng:

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1 Điều 46 BLHS, Căn cứ Điều 41 BLHS, Điều 76, Điều 228, Điều 99 BLTTHS, Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Điều 12, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. *Kết quả biểu quyết: 3/3.*

3. Về mức hình phạt: Hội đồng xét xử nhất trí xử phạt :

- Xử phạt Nguyễn Thị Liễu 01năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/7/2017. Căn cứ Điều 228 BLTTHS, quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án. *Kết quả biểu quyết: 3/3*

4. Về các vấn đề khác:

Hoàn trả anh Bế Văn Vọng 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda wave, sơn màu trắng, biển kiểm soát 20F1 – 35006, xe đã qua sử dụng. Hiện chiếc xe đang được bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đại Từ.

- Án phí: bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST để nộp NSNN.

- Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Kết quả biểu quyết: 3/3

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
~~Độc lập - Tự do - Hạnh phúc~~

Thái Nguyên, ngày 31 tháng 8 năm 2017

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Hồng Mây

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quang Thái và ông Trần Xuân Viện

Căn cứ vào Điều 199 và Điều 222 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Hôm nay, ngày 31 tháng 8 năm 2017 tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án Ngô Văn Duyên và Nguyễn Văn Tuấn bị Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên truy tố về tội Trộm cắp tài sản.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa; Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án hình sự như sau:

1. Về tội danh: Hội đồng xét xử nhất trí xác định bị cáo Ngô Văn Duyên và Nguyễn Văn Tuấn phạm tội Trộm cắp tài sản.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

2. Về điều luật áp dụng: Hội đồng xét xử nhất trí, áp dụng:

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, g, h, p khoản 1 Điều 46, Điều 47 BLHS đối với Ngô Văn Duyên.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm g, p khoản 1 Điều 46 BLHS đối với Nguyễn Văn Tuấn

Căn cứ Điều 41 BLHS, Điều 76, Điều 228, Điều 99 BLTTHS, Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Điều 23, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 đối với hai bị cáo.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

3. Về mức hình phạt: Hội đồng xét xử nhất trí xử phạt :

- Ngô Văn Duyên 03 tháng 08 ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/5/2017. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt. Căn cứ khoản 5 Điều 227 Bộ luật Tố tụng hình sự trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác. (Trại tạm giam công an tỉnh Thái Nguyên làm thủ tục trả tự do cho bị cáo nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác).

Miễn hình phạt bổ sung bằng tiền cho bị cáo.

- Xử phạt Nguyễn Văn Tuấn 02 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/5/2017. Căn cứ Điều 228 BLTTHS, quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

Miễn hình phạt bổ sung bằng tiền cho bị cáo.

Kết quả biểu quyết: 3/3

4. Về các vấn đề khác:

- Vật chứng: Hoàn trả ông Nguyễn Ngọc Thái 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Angle, màu mận chín, không có gương chiếu hậu, không có biển kiểm soát, không có hai cánh yếm, số máy số khung đã bị đục phá (xe đã qua sử dụng)

- Án phí: bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST để nộp NSNN.

- Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Kết quả biểu quyết: 3/3

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

~~Độc lập - Tự do - Hạnh phúc~~

Thái Nguyên, ngày 31 tháng 8 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH TRẢ TỰ DO CHO BỊ CÁO

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Mây

Các Hội thẩm nhân dân:

Căn cứ vào Điều 199 và khoản 5 Điều 227 Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ biên bản nghị án ngày 31 tháng 8 năm 2017 của Hội đồng xét xử sơ thẩm;

Xét thấy: Hội đồng xét xử quyết định xử phạt Ngô Văn Duyên 03 tháng 08 ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/5/2017. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt. Căn cứ khoản 5 Điều 227 Bộ luật Tố tụng hình sự trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác. (Trại tạm giam công an tỉnh Thái Nguyên làm thủ tục trả tự do cho bị cáo nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác).

QUYẾT ĐỊNH

1. Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo sau đây đang bị tạm giam, nếu họ không bị tạm giam về một tội khác:

Ngô Văn Duyên, sinh ngày 10/8/1982

ĐKNKTT: Xóm Gò Pháo, xã Tân Cương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Bị Toà án nhân dân Thành phố Thái Nguyên xét xử về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

2. Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Tm. Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND TP Thái Nguyên
- Trại tạm giam;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Hồng Mây

T. And tp th, i nguy^an

Céng hoà x· héi chñ nghŭa viŕt nam

Tỉnh Thái Nguyên

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sè: 05/2008/HSST-Q§

Th, i Nguy^an, ngày 14 th, ng 01 n^{ăm} 2009

TRÍCH LỤC BẢN ÁN HÌNH SỰ

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 05/2009/HSST ngày 14/01/2009

đối với bị cáo Nguyễn Việt Đức sinh năm 1989

Trú tại: tổ 7 ph- ờng Tân Thịnh, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

TOÀ  N NHÂN DÂN THÀNH PH  TH I NGUY N
ĐÃ QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố:

Bị cáo Nguyễn Việt Đức phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

 p dụng khoản 1 Điều 139; điểm b, g, h, p khoản 1 Điều 46, điều 47 BLHS, xử phạt Nguyễn Việt Đức 4(bốn) tháng 4(bốn) ngày tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày 10/9/2008. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt. Căn cứ điều 227 BLTTHS trả tự do cho bị cáo tại phiên toà nếu bị cáo không bị giam về một tội phạm khác.

to   n nh n d n th nh ph  Th i Nguy n

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Hồng M y

nguy n

C ng ho  x  h i ch nh ngh a vi t nam

T nh Th i Nguy n

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sè: /2007/HSST-Q§

Th,i Nguy^an, ngày 29 th,ng 8 n"m 2007

TRÍCH LỤC BẢN ÁN HÌNH SỰ

Tại bản án hình sự sơ thẩm số /2007/HSST ngày 29/8/2007

đối với bị cáo: **Hoàng Anh Dũng**, sinh ngày 18/11/1975;

Trú quán: Tổ 23, ph- ờng Phú Xá, Thành phố Thái Nguyên.

Con ông: Hoàng Quốc Đặng, sinh 1941; Con bà: Hoàng Thị Chè, sinh 1948;

TOÀ □N NHÂN DÂN THÀNH PH□ TH□I NGUY□N

ĐÃ QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Hoàng Anh Dũng phạm tội: Trộm cắp tài sản.

1. □p dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1 Điều 46 BLHS xử phạt
Hoàng Anh Dũng tháng tù giam.

Thời hạn tù tính ngày 26/6/2007.

toạ ,n nh©n d©n th¶nh phè Th,i Nguy^an

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Chủ tọa phiên tòa

Thu Hµ

guy^an

Céng hoµ x· héi chñ nghÜa viÖt nam

Tỉnh Thái Nguyên

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sè: 90/2007/HSST-Q§

Th,i Nguy^an, ngày 17 th,ng 8 nãm 2007

TRÍCH LỤC BẢN ÁN HÌNH SỰ

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 151/2007/HSST ngày 17/8/2007

đối với bị cáo: **Nguyễn Văn Hùng**, sinh năm 1979;

Trú tại: Xóm Thùng Ong, xã Đồng Liên, huyện Phú Bình, tỉnh TN

Con ông: Nguyễn Văn Đạt; con bà: Tr- ơng Thị Hoà

TOÀ □N NHÂN DÂN THÀNH PH□ TH□I NGUY□N

ĐÃ QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo: **Nguyễn Văn Hùng** phạm tội: *Trộm cắp tài sản*.

□p dụng khoản 1 Điều 109; điểm a, d, h khoản 1 Điều 38 BLHS1985 xử phạt:

Nguyễn Văn Hùng 12 (m- ời hai) tháng tù giam.

Thời hạn tù tính từ ngày 23/4/2007.

top ,n nh©n d©n th¶nh phò Th,i Nguyªn

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Chủ toạ phiên toà

Thu Hµ